

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/DS-PT

Ngày 29/11/ 2017

V/v tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất do lấn chiếm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thành

Bà Ngô Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 17/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất do lấn chiếm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị V, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Chu Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 29/11/2017 của ông Nguyễn Văn C: Bà Cao Thị V, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Cao Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Cao Thị V trình bày:

Ngày 05/7/2004, bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Đình P và Nguyễn Thị T1 khoảng 20.000 m² đất tọa lạc tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận: Đông giáp đất bà Trần Thị D; Tây giáp đường hương thôn; Nam giáp đất ông Nguyễn C1; Bắc giáp đường hương thôn với giá 4.500.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng có lập giấy sang nhượng viết tay, nhưng không đo đạc diện tích đất chuyển nhượng.

Năm 2005, vợ chồng bà san ủi thêm về hướng nam của lô đất, lần qua đất của ông Nguyễn C1 ở cùng thôn B, xã L khoảng 10.000 m², nhưng ông C1 đã đồng ý cho vợ chồng bà diện tích đất này.

Toàn bộ diện tích đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông P và T1, san ủi thêm được ông C1 cho, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2015, ông Chu Văn T tự ý đưa máy cày đến san ủi phần đất nằm ở phía Nam đất của vợ chồng bà. Trong đó có một phần diện tích đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông P và toàn bộ diện tích đất ông C1 đã cho vợ chồng bà. Diện tích đất ông T lấn chiếm có vị trí tứ cận: Đông giáp đất bà Trần Thị D; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất ông C1; Bắc giáp đất của vợ chồng bà.

Bà đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2016; bà xác định diện tích đất tranh chấp là 7.815 m² này.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Chu Văn T phải trả lại cho vợ chồng bà 7.815 m² đất thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn ông Chu Văn T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bà Cao Thị V cho rằng ông đã lấn chiếm của vợ chồng bà V nằm trong diện tích 30.000 m² đất tại khu Hòn Lúp, thôn B, xã L, huyện N. Diện tích đất này do ông, ông Chu Đức V1 (đã chết) và ông S là anh rể của ông (ông không nhớ họ tên đầy đủ) phát rừng làm rẫy trồng trọt từ năm 1994 đến năm 2000. Năm 2012, bà V ngăn cản, không cho ông sử dụng đất này vì bà V cho rằng đất này là của vợ chồng bà V ông C.

Ông đồng ý với diện tích, vị trí tứ cận của đất tranh chấp theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2016.

Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Cao Thị V. Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà V. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Chu Văn T. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông T. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn đã quyết định:

- Áp dụng: Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị V về việc đòi lại 7.815 m² đất bà V cho rằng ông T lấn chiếm thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 46 tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Văn T đối với 7.815 m² đất thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 46 tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai đối với 7.815 m² đất mà bà V và ông T tranh chấp thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 46 tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác và quyền kháng của các đương sự.

Ngày 01/8/2017, Nguyên đơn bà Cao Thị V làm đơn kháng cáo và nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Chu Văn T phải tháo dỡ ranh rào bàn chải, trả lại nguyên trạng thửa đất tranh chấp cho bà V; Yêu cầu công nhận Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L thuộc quyền sử dụng của bà V; Yêu cầu xem xét, giải quyết lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn; Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn bà Cao Thị V;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Chu Văn T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Văn C ủy quyền cho bà Cao Thị V tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng ông T bà H và ông C.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Cao Thị V không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất do lấn chiếm” được quy định trong Bộ luật dân sự, Luật đất đai năm 2013 là đúng pháp luật.

- Xét về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 (BL 13), Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/8/2016 (BL 75), Biên bản hòa giải ngày 22/6/2017 (BL 99), Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 18/7/2017 (BL 103 đến BL 108), Nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho bà V 7.815m² đất thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ thụ lý và giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện này. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Cao Thị V ông Nguyễn Văn C. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự; nội dung yêu cầu kháng cáo này của bà V vượt quá yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết nội dung kháng cáo này của bà V.

- Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn bà V có nội dung: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Chu Văn T phải tháo dỡ ranh rào bàn chải, trả lại nguyên trạng thửa đất tranh chấp cho bà V; Yêu cầu xem xét, giải quyết lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Giấy sang nhượng công đất khai phá ngày 05/7/2004 (Bản gốc, viết tay, BL 12) do Nguyên đơn bà Cao Thị V cung cấp cho Tòa án có nội dung: Vợ chồng ông Nguyễn Đình P bà Nguyễn Thị T1 cư ngụ tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận có sang nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Cao Thị V 01 lô đất khai phá tại Km 43 đường ra mương Kênh, trên đất có trồng đào và mì, giá sang nhượng 4.500.000 đồng.

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 (BL 13), Nguyên đơn bà V trình bày: Năm 2004, vợ chồng bà V nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Đình P cùng thôn 50.000 m² đất. Tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 22/6/2017 (BL 99), Biên bản thẩm định tài sản ngày 13/7/2016 (BL 70, 71), Nguyên đơn bà V khai vợ chồng bà V nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông P 20.000 m² đất.

- Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã L lập ngày 11/01/2016 (BL 04, 05), ông Nguyễn Đình P trình bày: Trước năm 2000, ông và ông Huỳnh Thanh M có khai hoang đất tại khu vực B. Riêng ông P khai hoang được khoảng 05 sào. Ông đã bán lại cho bà Cao Thị V vào năm 2005. Trong giấy tờ mua đất có thể hiện đông tây tứ cận như sau: Đông giáp đường đi; Tây giáp

suối cạn; Nam giáp cộ bờ; Bắc giáp đường đi chính ra kênh chính. Riêng phần đất hướng Tây giáp suối cạn của ông trước đây là khoảng rừng còn lại mới tiếp giáp đất ông Nguyễn C1. Sau đó, bà V san ủi, cải tạo khoảng rừng này. Tại thời điểm ông khai hoang, ông không thấy ông T làm và canh tác trên đất tranh chấp.

- Tại Biên bản thẩm định tài sản ngày 13/7/2016 do Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn lập (BL 70, 71), ông Nguyễn Đình P trình bày: Năm 2004, vợ chồng ông viết giấy sang nhượng viết tay chuyển nhượng cho vợ chồng bà V 7.000 m² đất tại thôn B, xã L, huyện N, tứ cận: Đông giáp đường; Tây giáp đường; Nam giáp rừng (kê đó giáp đất ông C1); Bắc giáp đường hương thôn.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2016 (BL 69), ông Nguyễn C1 khai: Ông có 03 ha đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, bà V lấn chiếm qua của ông 5.000 m² đất, nhưng 5.000 m² đất này không nằm trong diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Công văn số 93/VPĐKĐĐ-CNNS ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh huyện N (BL 90) thể hiện: Kết quả rà soát hồ sơ quản lý tại Chi nhánh Văn phòng đến thời điểm hiện tại Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L, huyện N chưa có tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/6/2017 (BL 98) do Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn lập, cán bộ địa chính xã L xác nhận: Nguồn gốc đất do các hộ dân lấn chiếm khu vực Hòn Láp, thôn B, xã L do Ủy ban nhân dân xã L quản lý, hiện nay vẫn chưa thuộc diện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì còn cây rừng. Riêng khu đất tranh chấp giữa hộ bà V và hộ ông T hiện trạng chưa canh tác, còn chồi cây rừng, hiện do Ủy ban nhân dân xã L quản lý. Năm 2012, hộ bà V đến đăng ký nộp hồ sơ kê khai diện tích 9.130 m² thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L được lập năm 2010 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận xác lập.

- Tại Công văn số 1075/UBND-TNMT ngày 01/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N (BL 94) thể hiện: 1. Thửa đất đang tranh chấp thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L, huyện N được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm; hộ bà Cao Thị V đã nộp hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã L, nhưng xảy ra tranh chấp với ông Chu Văn T. Về nguồn gốc đất do các hộ dân tự lấn chiếm.

- Tại Công văn số 34/UBND-TL ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã L (BL 93) thể hiện: Khu vực đất tranh chấp hiện chỉ được sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm và chưa được chuyển mục đích.

Xét thấy: Đối với một phần diện tích đất tranh chấp mà bà V khai nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông P bà T1: Ông P khai trước năm 2000, ông P khai hoang khoảng 05 sào, nhưng không có giấy tờ khai hoang đất; Vợ chồng ông P bà T1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy sang nhượng công đất khai phá ngày 05/7/2004 giữa bên chuyển nhượng vợ chồng ông P bà T1 và bên nhận chuyển nhượng vợ chồng bà V ông C là bản viết tay,

không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; không thể hiện diện tích đất chuyển nhượng là bao nhiêu mét vuông, không có vị trí tứ cận; khi chuyển nhượng các bên không đo đạc lại đất; Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay, vợ chồng bà V ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với một phần diện tích đất tranh chấp mà bà V khai được ông C1 cho: Diện tích đất này không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C1; Ông C1 không có giấy tờ đất; Việc cho đất giữa ông C1 và vợ chồng bà V ông C chỉ nói miệng; Không đo đạc xác định diện tích đất cho là bao nhiêu mét vuông; Không có vị trí tứ cận.

Hiện trạng thửa đất đang tranh chấp chưa canh tác, chỉ có chòi cây rừng và do Ủy ban nhân dân xã L quản lý.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V là có cơ sở và phù hợp pháp luật. Do không được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là đúng quy định tại Điều 157, Điều 165 luật tố tụng dân sự;

Từ những phân tích đánh giá chứng cứ nói trên; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn bà Cao Thị V; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà V phải chịu án 300.000 đồng phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn bà Cao Thị V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Cao Thị V về việc yêu cầu ông Chu Văn T phải trả lại cho vợ chồng bà Cao Thị V ông Nguyễn

Văn C 7.815 m² đất thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ địa chính số 46 xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Không công nhận 7.815 m² thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 46 tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thuộc quyền sử dụng đất của ông Chu Văn T.

3/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai đối với 7.815 m² thuộc Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 46 tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà Cao Thị V phải chịu 1.913.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà Cao Thị V đã nộp đủ chi phí này.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Cao Thị V phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0007667 ngày 16/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0012494 ngày 01/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là 01 Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 29/3/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh N).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hồng

